

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 376/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 27 – 7 – 2026

V/v xin ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lưu Xông Pha.

Bà Trương Thị Hò

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thêu là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thảo Nguyên – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 165/2026/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2026, về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 756/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Chị Ngô Thị M, sinh năm: 1993 (Xin vắng mặt).

Số căn cước công dân: 096193015315, cấp ngày 27/9/2021;

Địa chỉ: Ấp C, xã P, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Anh Trần Thương M1, sinh năm: 1992 (Xin vắng mặt).

Số giấy chứng minh nhân dân: 381571018;

Địa chỉ: Ấp C, xã P, tỉnh Cà Mau.

Đang bị giam tại Trại giam C, phân trại số C, đội số 2, ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án chị Ngô Thị M là nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Thương M1 chung sống vợ chồng với nhau vào năm 2010, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán tại địa phương, không có đăng ký kết hôn. Đến ngày 16/7/2012 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau (nay là xã P, tỉnh Cà Mau). Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc. Đến năm 2014 anh, chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh, chị bất đồng quan điểm, anh M1 sử dụng ma túy chị khuyên

ngăn dẫn đến vợ chồng cự cãi thường xuyên, anh M1 đánh chị và con nhiều lần. Mâu thuẫn giữa vợ chồng được cha, mẹ hai bên có tổ chức hòa giải hàn gắn nhưng không thành. Anh, chị không còn sống chung từ năm 2014 cho đến nay. Chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh M1.

Về con chung: Chị M xác định: Anh, chị có một người con chung tên Trần Gia B, sinh ngày 19/6/2011, hiện con đang sống cùng chị M. Khi ly hôn chị M yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị M xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Chị M khai vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại anh, chị.

Quá trình giải quyết vụ án anh Trần Thương M1 là bị đơn trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Ngô Thị M chung sống vợ chồng với nhau vào năm 2010, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán tại địa phương, không có đăng ký kết hôn. Đến ngày 16/7/2012 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau (nay là xã P, tỉnh Cà Mau). Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc. Đến năm 2015 anh, chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh, chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng cự cãi thường xuyên. Anh, chị không còn sống chung từ năm 2015 cho đến nay. Anh M1 xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị M yêu cầu được ly hôn với anh thì anh đồng ý.

Về con chung: Anh M1 xác định: Anh, chị có một người con chung tên Trần Gia B, sinh ngày 19/6/2011, hiện cháu đang sống cùng chị M. Khi ly hôn anh yêu cầu chị M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh M1 xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Anh M1 khai vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại anh, chị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn khởi kiện của chị Ngô Thị M về việc xin ly hôn với anh Trần Thương M1 thuộc lĩnh vực hôn nhân và gia đình được quy định tại các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; anh M1 là bị đơn có nơi cư trú tại ấp C, xã P, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Cà Mau theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Chị Ngô Thị M và anh Trần Thương M1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên tòa xét xử theo quy định nhưng chị M và anh M1 có

đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị M, anh M1 theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Ngô Thị M và anh Trần Thương M1 tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán ở địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau (nay là xã P, tỉnh Cà Mau) vào ngày 16/7/2012 nên hôn nhân được chấp nhận là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Quá trình chung sống anh, chị có nhiều mâu thuẫn. Xét thực tế cuộc sống chung của anh, chị có mâu thuẫn là đúng vì theo chị M, anh M1 thì vợ chồng anh, chị có xảy ra mâu thuẫn, mâu thuẫn đỉnh điểm anh, chị không còn quan tâm, chăm sóc, quý trọng nhau, cự cãi nhiều lần, mỗi người sống một nơi từ năm 2014, 2015 cho đến nay. Trong khoảng thời gian này anh, chị không ai có biện pháp gì để khắc phục tình trạng mâu thuẫn của vợ, chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống hôn nhân của anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị M được ly hôn với anh M1.

[4] Về con chung: Anh, chị có một người con chung tên Trần Gia B, sinh ngày 19/6/2011, hiện cháu đang sống cùng chị M. Khi ly hôn chị M, anh M1 thống nhất giao cháu B cho chị M được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Xét thấy việc nuôi dạy con là quyền và nghĩa vụ của chị M và anh M1. Giao con cho chị M hoặc anh M1 trực tiếp nuôi dạy cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Việc anh, chị không sống chung đã phần nào ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của con nên cần phải hạn chế đến mức thấp nhất việc ảnh hưởng đời sống và bảo đảm được việc học hành, sự phát triển tốt về thể chất, tinh thần của con. Bên cạnh đó, tại biên bản ghi ý kiến con thì cháu B muốn ở cùng mẹ khi cha, mẹ ly hôn. Từ ngày chị M, anh M1 ly thân con luôn ở với chị M và gia đình bên chị M, cháu có cuộc sống ổn định và học hành tại địa phương nơi chị M sinh sống. Hội đồng xét xử xét thấy cháu B đang sống ổn định với chị M nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình để tránh sự xáo trộn tâm lý, cuộc sống của con nên Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu B cho chị M được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Anh M1 không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: Chị M, anh M1 xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[6] Về nợ chung và người khác nợ lại: Chị M, anh M1 khai vợ chồng anh, chị không nợ ai và không ai nợ lại anh, chị nên không đề cập giải quyết.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Ngô Thị M về việc xin ly hôn anh Trần Thương M1.

2. Về con chung: Giao Trần Gia B, sinh ngày 19/6/2011, hiện cháu đang sống cùng chị M, cho chị M được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Anh M1 không trực tiếp nuôi các con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị M, anh M1 xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung và người khác nợ lại: Chị M, anh M1 khai vợ chồng anh, chị không nợ ai và không ai nợ lại anh, chị nên không đề cập giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, chị Ngô Thị M phải chịu 300.000 đồng. Ngày 02 tháng 3 năm 2026, chị M đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0002189 tại Thị hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6, 7 và 8 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Ngô Thị M, anh Trần Thương M1 vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND Khu vực 3 - Cà Mau;
- UBND xã Phú Tân.
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Lê Thúy Dung